

Dẫn đầu trong chuyển số là động lực tăng trưởng trong tương lai

MUA [+59%]

Giá hợp lý

Ngày cập nhật:
28/12/2022

34,000 VND

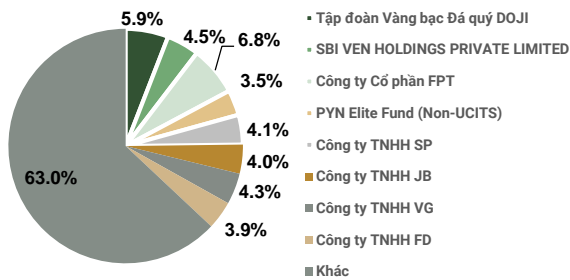
Giá hiện tại

21,400 VND

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

CP đang lưu hành (triệu)	1,581.2
Free float (triệu)	870
Vốn hóa (tỷ VND)	33,216.9
KL GDTB 3 tháng (cổ phiếu)	7,867,223
Sở hữu nước ngoài (%)	30%
Ngày niêm yết đầu tiên	22/03/2018

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU SO VỚI INDEX



LỊCH SỬ ĐỊNH GIÁ



Kết quả kinh doanh 9M 2022:

Kết thúc 9M 2022, thu nhập lãi thuần của TPB tăng trưởng 21% YoY (là tốc độ tăng trưởng 9M thấp nhất trong 5 năm qua) lên 8,607 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế của TPB trong 9M 2022 tăng trưởng 35% YoY và đạt 4,741 tỷ đồng.

NIM của TPB cải thiện 2 bps so với cuối năm 2021 lên 4.38%, thuộc top 8 ngân hàng có NIM cao nhất toàn ngành. Dù vậy, NIM của TPB đang trong xu hướng thu hẹp từ Q1 2022 (4.44%). Tín dụng của TPB tăng trưởng 11.7% YTD, chỉ tăng 70 so với cuối Q1 2022.

Chất lượng tài sản giảm so với cuối năm 2021. Tỷ lệ nợ xấu của TPB đạt 0.91% vào cuối 9M 2022, tăng 9 bps so với cuối năm 2021, trong khi đó, tỷ lệ bao phủ nợ xấu trong 9M 2022 của TPB đạt 142%, giảm so với mức 152% vào cuối năm 2021.

Điểm nhấn đầu tư:

Chiến lược chuyển đổi số toàn diện gia tăng lợi thế cạnh tranh. Ngân hàng đã chuyển đổi số tất cả các mảng hoạt động một cách toàn diện và chuyên sâu góp phần giúp tổng tài sản đạt tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm (CAGR) trong giai đoạn 2018-2021 là 29%.

Ngân hàng trên đà tăng trưởng nhờ chiến lược kinh doanh hiệu quả. Khả năng cải thiện NIM (2.3% trong năm 2015 lên 4.36% trong năm 2021) được hỗ trợ bởi định hướng chiến lược tập trung cho vay các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) và số hóa ngân hàng trong nhiều năm qua.

Định giá & khuyến nghị:

Do hơn 60% dư nợ cho vay của TPB tập trung mảng bán lẻ và hơn 12% tăng trưởng tín dụng trong 9M 2022 là trái phiếu doanh nghiệp, nên chúng tôi ước tính tăng trưởng tín dụng năm 2023 của TPB đạt 15.8%. Chúng tôi cho rằng xu hướng tăng lãi suất của NHNN sẽ tiếp tục rong H1 2023, tạo nên áp lực huy động vốn cho ngân hàng. Đồng thời, việc thực hiện theo lời kêu gọi của NHNN giảm lãi suất cho vay sẽ gây áp lực đến NIM của ngân hàng trong năm 2023. Qua đó, chúng tôi ước tính NIM của TPB đạt 3.94%, giảm 16 bps so với năm 2022.

Hơn nữa, lãi suất gia tăng sẽ gây áp lực đến khả năng trả nợ của doanh nghiệp, hơn nữa năm 2023 nhu cầu từ nhiều ngành tăng trưởng chậm lại do lạm phát và tác động của nhu cầu thế giới, chúng tôi ước tính tỷ lệ nợ xấu của TPB đạt 1.15% trong năm 2023 và chi phí trích lập dự phòng năm 2023 của TPB tăng 20.1% YoY lên 2,965 tỷ đồng.

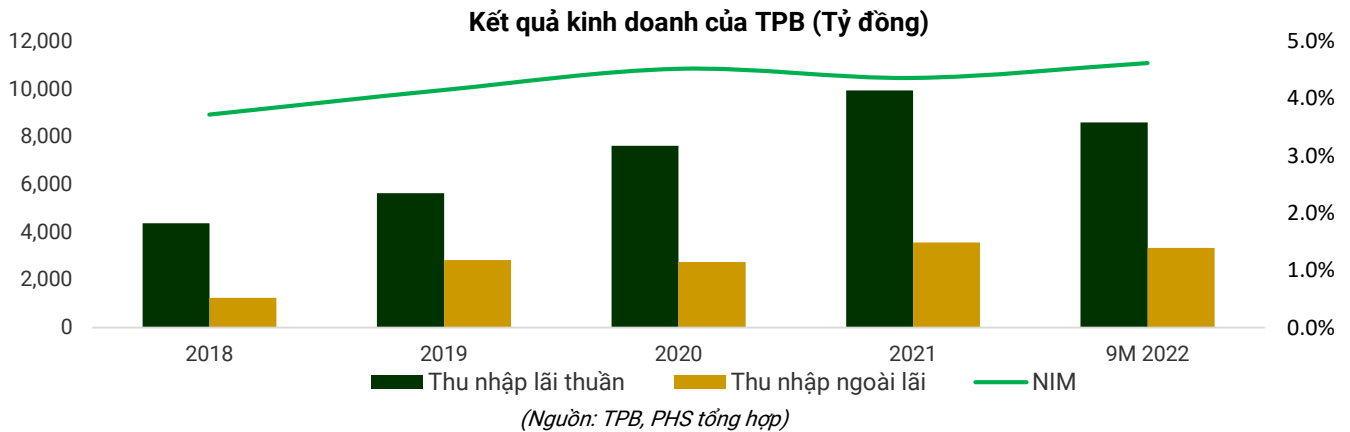
Sử dụng phương pháp định giá chiết khấu thu nhập thặng dư (Residual Income) và P/B, chúng tôi xác định giá trị hợp lý đối với mỗi cổ phiếu TPB là 34,000VND/CP. Khuyến nghị: Mua đối với cổ phiếu này.

Rủi ro: (1) Rủi ro lãi suất; (2) Rủi ro nợ xấu; (3) Rủi ro cạnh tranh; (4) Rủi ro thị trường; (5) Rủi ro pháp luật; (6) Rủi ro trái phiếu doanh nghiệp

Chỉ số tài chính	2017A	2018A	2019A	2020A	2021A	2022F	2023F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	3,172	4,378	5,633	7,619	9,946	11,805	12,744
LNST (tỷ VND)	964	1,805	3,094	3,510	4,829	6,160	6,694
EPS (VND)	1,650	2,107	3,612	3,275	3,053	3,894	4,232
Tăng trưởng EPS (%)	69%	87%	71%	13%	38%	28%	9%
Giá trị sổ sách (VND)	11,429	12,400	15,264	15,624	16,429	20,357	24,589
P/E	N/A	12.5	6.2	6.6	11.5	7.8	8.0
P/B	N/A	2.1	1.5	1.4	2.1	1.5	1.4
Cổ tức (VND)	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%

Kết quả kinh doanh 9M 2022

Kết thúc 9M 2022, thu nhập lãi thuần của TPB tăng trưởng 21% YoY (là tốc độ tăng trưởng 9M thấp nhất trong 5 năm qua) lên 8,607 tỷ đồng, đóng góp 72% vào Thu nhập hoạt động. Thu nhập ngoài lãi của ngân hàng tăng trưởng 20.7% YoY lên 3,347 tỷ đồng, đóng góp 28% vào Thu nhập hoạt động. Lợi nhuận sau thuế của TPB trong 9M 2022 tăng trưởng 35% YoY và đạt 4,741 tỷ đồng.



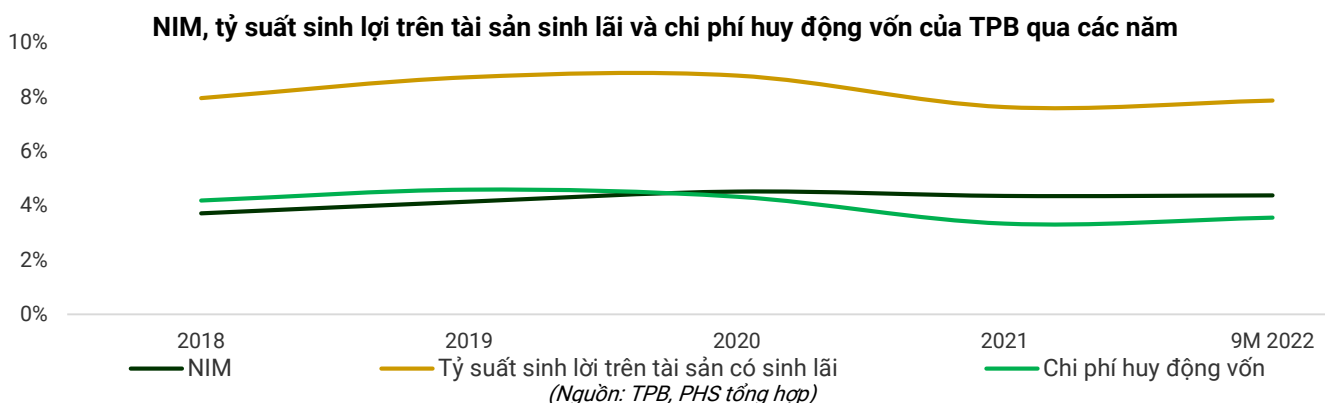
Kết thúc 9M 2022, NIM của TPB cải thiện 2 bps so với cuối năm 2021 lên 4.38%, thuộc top 8 ngân hàng có NIM cao nhất toàn ngành. Dù vậy, NIM của TPB đang trong xu hướng thu hẹp từ Q1 2022 (4.44%).

NIM của TPB mở rộng trong 9M 2022 nhờ sự cải thiện của Tỷ suất sinh lời trên tài sản có vượt trội hơn so với mức tăng của Chi phí huy động vốn. Tỷ suất sinh lời trên tài sản có sinh lãi tăng 24 bps từ 7.63% trong năm 2021 lên 7.87% trong 9M 2022, nhờ:

(1) Lãi suất cho vay trung bình tăng 42 bps từ 10.23% vào cuối năm 2021 lên 10.65% vào 9M 2022, top 25% ngân hàng có lãi suất cho vay trung bình cao nhất.

(2) Cơ cấu cho vay dịch chuyển nhẹ sang cho vay dài hạn với tỷ trọng cho vay dài hạn tăng từ 25% Tổng Tài Sản vào cuối năm 2021 lên 29% Tổng Tài sản vào Q3 2022.

(3) Tỷ trọng cho vay bán lẻ tăng từ 54% Dư nợ cho vay vào cuối năm 2021 lên 59.2% Dư nợ cho vay trong 9M 2022.



(4) Lãi suất trung bình từ chứng khoán đầu tư tăng từ 5.33% trong năm 2021 lên 6.0% trong 9M 2022. Từ Q1 2022, TPB đã giảm nắm giữ trái phiếu doanh nghiệp từ 27.6 ngàn tỷ đồng (9% Tổng tài sản) còn 22.3 ngàn tỷ đồng vào 9M 2022, chiếm 7% Tổng tài sản, do từ Q1 - Q3 2022 TPB chưa được nói room tăng trưởng tín dụng. TPB cũng cho biết trái phiếu doanh nghiệp ngân hàng đang nắm giữ tập trung vào mảng năng lượng xanh và sản xuất. Đồng thời, ngân hàng đã gia tăng nắm giữ trái phiếu do Tổ chức tín dụng trong nước tăng từ 25.1 ngàn tỷ đồng (8.6% Tổng tài sản) vào cuối năm 2021 lên 28.8 ngàn tỷ đồng (9.1% Tổng tài sản) trong 9M 2022.

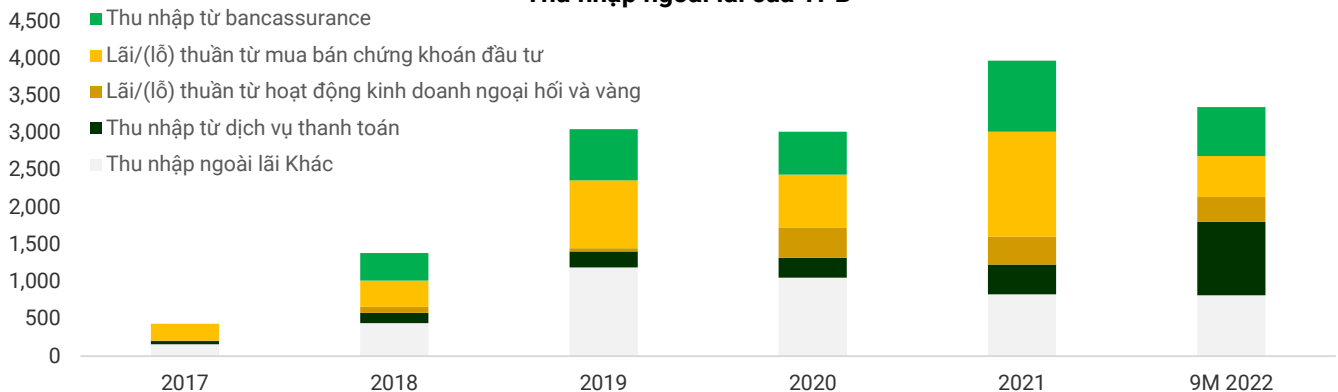
Thu nhập từ dịch vụ thanh toán và hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối là động lực thúc đẩy thu nhập ngoài lãi. Trong 9M 2022, thu nhập ngoài lãi tăng trưởng 21%YoY lên 3,347 tỷ đồng.

(1) Doanh thu dịch vụ thanh toán tăng trưởng mạnh mẽ 298%YoY lên 988 tỷ đồng, đóng góp tỷ trọng lớn nhất 30% vào Thu nhập ngoài lãi.

(2) Hoạt động kinh doanh ngoại hối tăng 192%YoY lên 330 tỷ đồng trong 9M 2022, qua đó đóng góp 10% vào Thu nhập ngoài lãi.

(3) Hơn nữa, trong 9M 2022, nhờ sự phục hồi của doanh nghiệp, TPB có 503 tỷ đồng Thu từ các khoản nợ đã xử lý bằng dự phòng rủi ro, đóng góp vào Thu nhập ngoài lãi.

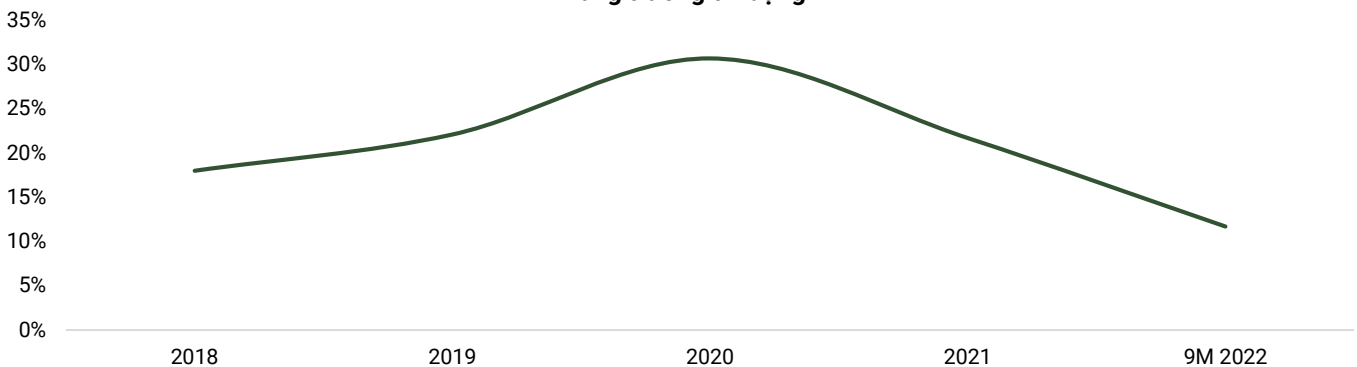
Thu nhập ngoài lãi của TPB



(Nguồn: TPB, PHS tổng hợp)

Kết thúc 9 tháng đầu năm 2022, tín dụng của TPB tăng trưởng 11.7% YTD, chỉ tăng 70 bps so với cuối Q1 2022. Tăng trưởng tín dụng trong 9M 2022 được hỗ trợ bởi mảng cho vay bán lẻ tăng trưởng mạnh mẽ ở mức 21.4% YTD lên 92.5 ngàn tỷ đồng, chiếm 59% dư nợ cho vay.

Tăng trưởng tín dụng

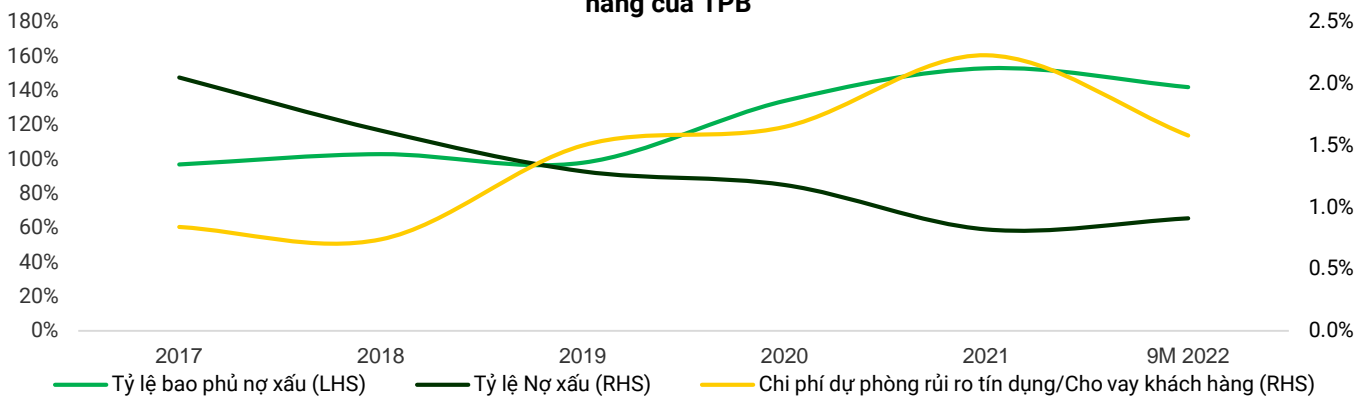


(Nguồn: TPB, PHS tổng hợp)

Chất lượng tài sản giảm so với cuối năm 2021. Tỷ lệ nợ xấu của TPB đạt 0.91% vào cuối 9M 2022, tăng 9 bps so với cuối năm 2021, nhưng thấp hơn mức trung bình ngành là 1.57%. Hơn nữa, nợ cần chú ý tăng mạnh 49.4%YTD lên 3,102 tỷ đồng, chiếm 2.0% dư nợ Cho vay khách hàng. Trong khi đó, tỷ lệ bao phủ nợ xấu trong 9M 2022 của TPB đạt 142%, giảm so với mức 152% vào cuối năm 2021, cao hơn mức trung bình ngành là 87%.

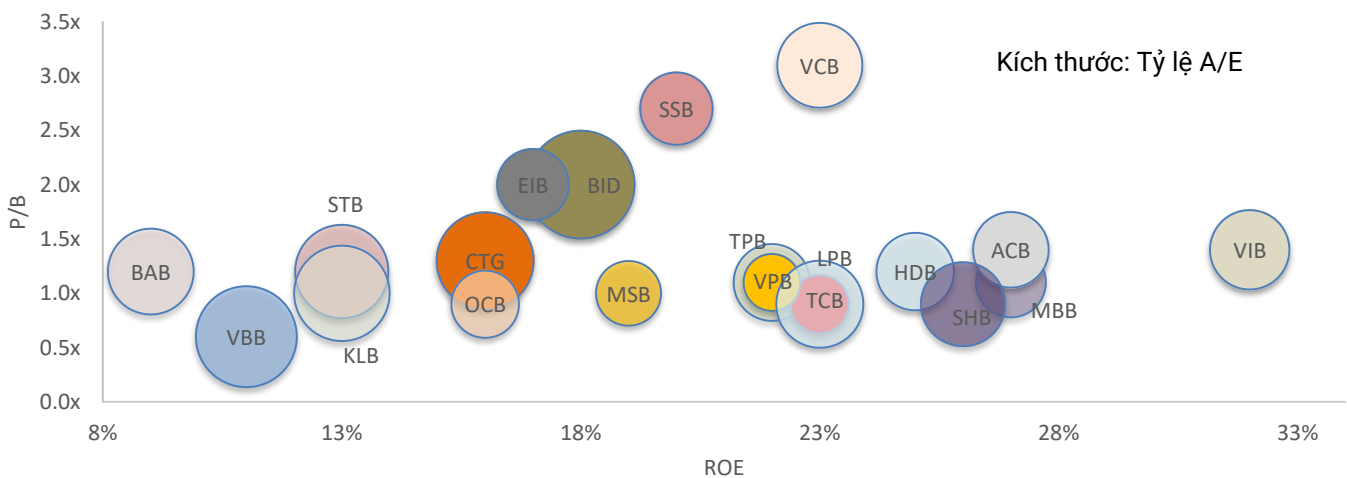
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng giảm 26%YoY còn 1,729 tỷ đồng. Tỷ lệ Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng/Cho vay khách hàng đạt 1.58%, cao hơn mức trung bình ngành là 1.14%.

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu, Tỷ lệ Nợ xấu, và Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng/Cho vay khách hàng của TPB



(Nguồn: TPB, PHS tổng hợp)

Lũy kế 12 tháng gần nhất, ROE của TPB đạt 22.1%, nhờ kết quả kinh doanh khả quan và sự hỗ trợ của ngân hàng số, đưa TPB thành một trong những ngân hàng có ROE cao nhất ngành. Chỉ số P/B trong 12 tháng gần nhất đạt 1.1x. Tỷ lệ A/E đạt 10.4x xấp xỉ mức trung bình ngành - 10.7x.



(Nguồn: PHS tổng hợp)

Dự phóng kết quả kinh doanh 2023

Đvt : tỷ đồng	2018	2019	2020	2021	2022E	2023E
Thu nhập lãi thuần	4,378	5,633	7,619	9,946	11,805	12,744
%YoY	38.0%	28.7%	35.3%	30.5%	18.7%	8.0%
Thu nhập ngoài lãi	1,249	2,837	2,750	3,571	3,866	4,298
%YoY	185.8%	127.1%	-3.1%	29.9%	8%	11%
Lợi nhuận sau thuế	1,805	3,094	3,510	4,829	6,160	6,694
%YoY	87.2%	71.4%	13.4%	37.6%	27.6%	8.7%
Tỷ lệ thu nhập lãi thuần/ Tổng thu nhập HĐ	77.8%	66.5%	73.5%	73.6%	75.3%	74.8%
Tỷ lệ chi phí hoạt động/ Tổng thu nhập HĐ	50.6%	39.0%	40.5%	33.8%	35.1%	33.5%
Tỷ lệ trích Dự phòng/ Tổng thu nhập HĐ	9.3%	15.3%	17.2%	21.5%	15.8%	17.4%

Nhiều tổ chức tài chính trên thế giới đã đưa ra dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2023: 6.3% (ADB), 5.8% (HSBC), 6.5% (Standard Chartered), 5.7% (World Bank). Năm 2023, tiêu dùng trong nước được dự báo tăng trưởng chậm lại so với năm 2022, áp lực lạm phát làm gia tăng chi phí đầu vào, việc tăng lãi suất để ổn định tỷ giá đang gây khó khăn trong việc huy động vốn và hoạt động của doanh nghiệp. Hơn nữa, những khó khăn của thị trường trái phiếu doanh nghiệp gần đây sẽ tiếp tục ảnh hưởng tới việc huy động vốn qua kênh này trong thời gian tới cho đến khi những vướng mắc về chính sách được gỡ bỏ. Do hơn 60% dư nợ cho vay của TPB tập trung mảng bán lẻ và hơn 12% tăng trưởng tín dụng trong 9M 2022 là trái phiếu doanh nghiệp, nên chúng tôi ước tính tăng trưởng tín dụng năm 2023 của TPB đạt 15.8%.

Nhiều kỳ vọng về việc FED sẽ chậm lại quá trình tăng lãi suất trong năm 2023. Dù vậy, chúng tôi cho rằng xu hướng tăng lãi suất của NHNN sẽ tiếp tục rong H1 2023, tạo nên áp lực huy động vốn cho ngân hàng. Đồng thời, thực hiện theo lời kêu gọi của NHNN giảm lãi suất cho vay, sẽ gây ra áp lực đến NIM của ngân hàng trong năm 2023. Qua đó, chúng tôi ước tính NIM của TPB đạt 3.94%, giảm 16 bps so với năm 2022.

Kết thúc 9M 2022, tỷ lệ Nợ xấu của TPB đạt 0.91%. Lãi suất gia tăng sẽ gây áp lực đến khả năng trả nợ của doanh nghiệp, hơn nữa năm 2023 nhu cầu từ nhiều ngành tăng trưởng chậm lại do lạm phát và tác động của sự sụt giảm nhu cầu thế giới, chúng tôi ước tính tỷ lệ nợ xấu của TPB đạt 1.15% trong năm 2023.

Hơn nữa, Thông tư 14/2021/TT-NHNN không điều chỉnh tiến độ trích lập dự phòng, tức là các ngân hàng sẽ tiếp tục thực hiện trích bổ sung phần chênh lệch theo tiến độ đã quy định tại Thông tư 01, tối thiểu là 30%, 60% và 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung trong các năm 2021, 2022, 2023. Do đó, chúng tôi ước tính chi phí trích lập dự phòng năm 2023 của TPB tăng 20.1% YoY lên 2,965 tỷ đồng.

Ngành ngân hàng đang phải trải qua những thách thức từ bối cảnh kinh tế vĩ mô trong nước và thế giới, nhưng trong dài hạn chúng tôi đặt kỳ vọng vào tiềm năng tăng trưởng của TPB nhờ:

- (1) Chiến lược chuyển đổi số toàn diện gia tăng lợi thế cạnh tranh.
- (2) Ngân hàng trên đà tăng trưởng nhờ chiến lược kinh doanh hiệu quả.

Định giá và khuyến nghị

Sử dụng phương pháp định giá chiết khấu lợi nhuận thặng dư (Residual Income) và P/B, chúng tôi xác định mức giá hợp lý đối với TPB là 34,000 VNĐ/CP, tương ứng mức P/E và P/B forward 2022 lần lượt là 8.0x và 1.4x. Qua đó, chúng tôi đưa ra khuyến nghị: Mua cho cổ phiếu TPB, với upside so với giá hiện tại là 59%.

Định giá theo thu nhập thặng dư

Các tiêu chí (Đvt : tỷ đồng)	2023E	2024E	2025E	2026E	2027E
Chi phí VCSH	13.7%	13.7%	13.7%	13.7%	13.7%
Chi phí VCSH dài hạn					13.7%
Tăng trưởng dài hạn sau năm 2027					3%
Lợi nhuận ròng	6,694	7,918	9,390	11,071	12,917
Thu nhập thặng dư	2,282	2,589	2,977	3,371	3,700
Giá trị hiện tại của Thu nhập thặng dư (5 năm)	1,757	1,761	1,786	1,787	18,479
Giá trị hiện tại của Giá trị cuối cùng					35,617
Tổng giá trị hiện tại của dòng thu nhập thặng dư	25,570				
Vốn chủ sở hữu	32,201				
Cổ phiếu lưu hành (triệu cổ phiếu)	1.582				
Giá hợp lý (VNĐ/cp)	36,522				

Phương pháp P/B

Giá trị sổ sách/CP	24,586
P/B ngành	0.98x
Giá hợp lý (VNĐ/CP)	24,094

	Residual Income	P/B	Giá hợp lý
Giá hợp lý (VNĐ/CP)	36,522	24,094	34,000 VNĐ/cp
Tỷ trọng	80%	20%	

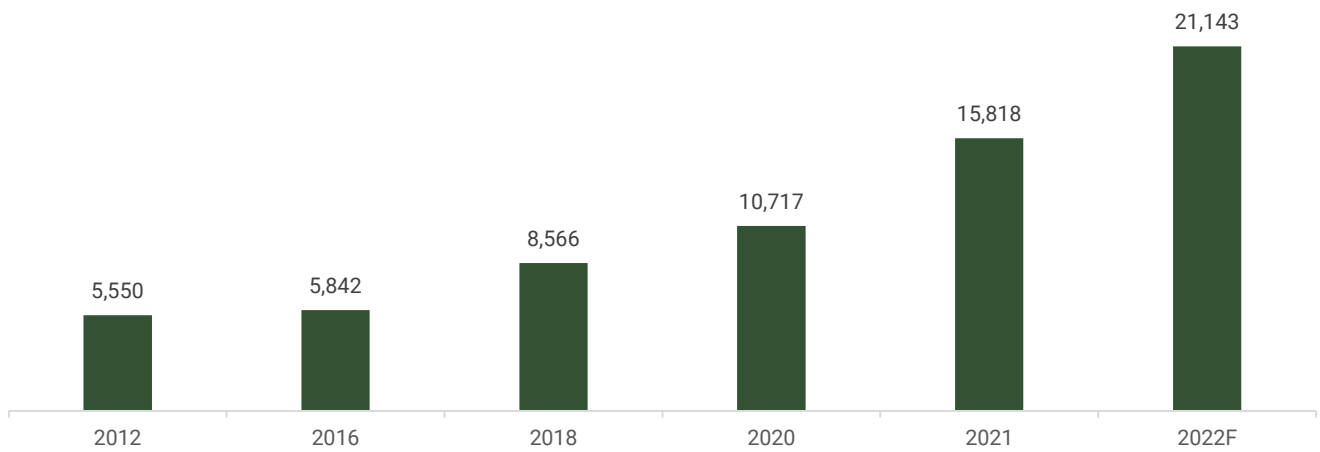


Sơ lược công ty

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (TPB) được thành lập vào năm 2008. TPB được thừa hưởng sức mạnh vững chắc từ các cổ đông chiến lược bao gồm Tập đoàn Vàng bạc Đá quý DOJI, Tập đoàn Công nghệ FPT, Tổng Công ty Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam, Tập đoàn Tài chính SBI Ven Holding Pte.Ltd (Singapore), Công ty Tài chính Quốc tế IFC (trực thuộc World Bank) và quỹ đầu tư PYN Elite Fund. TPB được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) từ năm 2018.

Quá trình tăng vốn (Tỷ VND)

Vốn điều lệ (Tỷ VND)



(Nguồn: TPB, PHS dự phóng)

Báo cáo tài chính

Tỷ VND

Kết quả kinh doanh	2018A	2019A	2020A	2021A	2022E	2023E
Thu nhập lãi	9,374	11,851	14,828	17,427	21,265	26,425
Chi phí lãi	(4,996)	(6,217)	(7,209)	(7,481)	(9,460)	(13,681)
Thu nhập lãi thuần	4,378	5,633	7,619	9,946	11,805	12,744
Thu nhập ngoài lãi	1,174	1,542	2,084	2,487	3,061	3,598
Tổng thu nhập hoạt động	5,627	8,469	10,369	13,517	15,671	17,042
Chi phí hoạt động	(2,847)	(3,303)	(4,197)	(4,571)	(5,502)	(5,709)
Lợi nhuận thuần trước dự phòng	2,780	5,166	6,172	8,946	10,169	11,333
Chi phí dự phòng	(522)	(1,298)	(1,783)	(2,908)	(2,469)	(2,965)
Tổng lợi nhuận trước thuế	2,258	3,868	4,389	6,038	7,700	8,368
Chi phí thuế	(453)	(774)	(878)	(1,209)	(1,540)	(1,674)
Lợi nhuận sau thuế	1,805	3,094	3,510	4,829	6,160	6,694

Cân đối kế toán	2018A	2019A	2020A	2021A	2022E	2023E
Tiền và tương đương tiền	1,332	1,655	2,214	2,553	2,978	3,553
Tiền gửi tại NHNN	4,693	7,761	9,109	18,040	16,923	20,191
Tiền gửi tại các TCTD	16,341	21,024	12,698	48,753	48,753	53,515
Đầu tư ngắn hạn	0	13	77	0	0	0
Cho vay Khách hàng	77,185	95,644	119,991	141,228	164,736	195,805
Dự phòng rủi ro cho vay	(890)	(1,208)	(1,906)	(1,765)	(2,179)	(2,829)
Chứng khoán đầu tư	24,900	26,075	48,095	62,405	79,305	73,405
Góp vốn, đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	203	369	476	513	2,052	2,175
Tài sản khác	11,054	11,863	14,284	19,865	24,051	29,119
Tổng cộng tài sản	136,179	164,439	206,315	292,827	338,441	376,865
Tổng nợ phải trả	125,558	151,364	189,570	266,840	306,240	337,970
Nợ Chính phủ & NHNN	4,752	828	698	564	659	783
Tiền vay của các TCTD	33,491	40,214	40,880	87,016	104,263	104,263
Tiền gửi của khách hàng	76,138	92,439	115,904	139,562	162,720	194,141
Giấy tờ có giá	8,715	14,426	27,439	35,405	33,644	32,870
Các khoản nợ khác	2,461	3,456	4,650	4,293	4,954	5,913
Vốn chủ sở hữu	10,622	13,075	16,744	25,987	32,201	38,895
Tổng nguồn vốn	136,179	164,439	206,315	292,827	338,441	376,865

Chỉ tiêu tăng trưởng	2018A	2019A	2020A	2021A	2022E	2023E
Tăng trưởng tín dụng	21.7%	23.9%	25.5%	21.7%	16.8%	15.8%
Tăng trưởng huy động tiền gửi	8.3%	21.4%	25.4%	20.4%	16.6%	19.3%
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần	38.0%	28.7%	35.3%	30.5%	18.7%	8.0%
Tăng trưởng thu nhập ngoài lãi	73.7%	31.3%	35.1%	19.3%	20.6%	17.5%
Tăng trưởng thu nhập hoạt động	55.9%	50.5%	22.4%	30.4%	15.9%	8.7%
Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế	87.2%	71.3%	13.5%	37.6%	27.5%	8.7%
Tăng trưởng tổng tài sản	9.7%	20.8%	25.5%	41.9%	15.6%	11.4%
Tăng trưởng Tài sản Có sinh lãi (IEA)	8.0%	22.1%	25.9%	42.9%	14.5%	10.6%
Tăng trưởng Nợ chịu lãi (IBL)	6.5%	20.2%	25.0%	42.0%	14.8%	10.2%
Tăng trưởng Vốn điều lệ	46.6%	0.0%	25.1%	47.6%	33.7%	0.0%

Chỉ số tài chính	2018A	2019A	2020A	2021A	2022E	2023E
Khả Năng Sinh Lãi						
Tỷ trọng thu nhập lãi thuần	77.8%	66.5%	73.5%	73.6%	75.3%	74.8%
Tỷ trọng thu nhập ngoài lãi	22.2%	33.5%	26.5%	26.4%	24.7%	25.2%
Tỷ suất LN ròng	32.1%	36.5%	33.9%	35.7%	39.3%	39.3%
ROAA	1.4%	2.1%	1.9%	1.9%	2.0%	1.9%
ROAE	20.9%	26.1%	23.5%	22.6%	21.2%	18.8%
Chỉ số riêng						
Tỷ lệ Chi Phí/ Thu nhập HĐ (CIR)	50.6%	39.0%	40.5%	33.8%	35.1%	33.5%
Tỷ lệ cho vay/ Tiền gửi (LDR) (*)	68.8%	67.5%	70.2%	60.3%	61.4%	64.4%
Tỷ lệ thu nhập lãi cận biên (NIM)	3.7%	4.2%	4.5%	4.4%	4.1%	3.9%
Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi cận biên (NNIM)	1.1%	2.1%	1.6%	1.6%	1.3%	1.3%
Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA)	18.2%	15.5%	18.3%	22.1%	15.9%	13.9%
Tỷ lệ nợ xấu (NPL)	1.12%	1.29%	1.18%	0.82%	0.98%	1.15%
Tỷ lệ quỹ DPRR/Nợ xấu (LLR)	103.4%	97.8%	134.2%	152.5%	135.0%	125.6%
Tỷ lệ quỹ DPRR/Dư nợ cho vay KH	1.2%	1.3%	1.6%	1.2%	1.3%	1.4%

(*) Tỷ lệ LDR được tính theo thông tư 36/2014/TT-NHNN

(Nguồn: PHS tổng hợp)

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Nguyễn Thị Thảo Vy, Chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10%~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của báo cáo. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 8 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Customer Service: (+84-28) 5 411 8855

E-mail: info@pchs.vn / support@pchs.vn

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Call Center: (+84-28) 5 413 5488

Web: www.pchs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân

Phú, Quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby

81-83-83B-85 Hàm Nghi,

Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 535 6060

Fax: (+84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị

Sáu, Quận 3, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend,

251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân

Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2401

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex,

N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa,

Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor,

Số 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận Hai

Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (+84-24) 3 933 4566

Fax: (+84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo,

Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801